

Số: 112/BC-CK

Đoàn Kết, ngày 27 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2024-2025

(Công khai chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu- chi tài chính theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Thông tin chung:

1. Tên cơ sở giáo dục:

Tên trường: Trường THCS Đoàn Kết.

Tên trước đây: Trường phổ thông cơ sở Đoàn Kết.

2. Địa chỉ, điện thoại, hòm thư điện tử, cổng thông tin điện tử

Trụ sở chính: Thôn Bùi Xá, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 02203.738.185

Website: <http://tm-thcsdoanket.haiduong.edu.vn/>

Email: thcsdoanket2020@gmail.com

3. Loại hình, cơ quan quản lý trực tiếp.

Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục.

Xây dựng và duy trì trường THCS Đoàn Kết trở thành đơn vị tiên tiến xuất sắc, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng học sinh giỏi và tỷ lệ trúng tuyển vào lớp 10 THPT công lập.

Coi trọng giáo dục truyền thống, nhân cách và kỹ năng sống, tăng cường nề nếp, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng học sinh; Nâng cao lý tưởng, tinh thần trách nhiệm và năng lực nghề nghiệp của đội ngũ theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp; Đẩy mạnh phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”.

Nơi các em được phát triển đúng đắn và bền vững về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng sống cơ bản; có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học THPT hoặc học nghề. Phát huy thành quả phong trào thi đua đồng hành với các giá trị cơ bản của nhà trường là: **Tôn trọng - Trách nhiệm - Hợp tác - Sáng tạo - Đổi mới**

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.

Trường THCS Đoàn Kết được thành lập năm 1965, qua chặng đường 60 năm xây dựng và phát triển với các giai đoạn: Trường cấp II Đoàn Kết (1965-1975), trường PTCS cấp I, II xã Đoàn Kết (1976-1990) và trường THCS Đoàn Kết (1991 đến nay). Dù trong giai đoạn nào ở mọi hoàn cảnh với nhiều khó khăn, thách thức nhưng tập thể thầy giáo cô giáo nhà trường đều tận tâm, nhiệt huyết và đầy năng động sáng tạo đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng, Chính quyền địa phương và ngành giáo dục giao cho.

Trong những năm qua, tuy là trường vùng sâu, vùng xa nhưng Trường THCS Đoàn Kết cũng đã từng bước khẳng định được uy tín, vị thế của mình so với các trường trong Huyện, trong Tỉnh. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên

tương đối đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ (*đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 13.6%*). Hằng năm, trường đều có giáo viên tham gia Hội thi giáo viên giỏi các cấp, có nhiều cán bộ, giáo viên được công nhận danh hiệu GVG, CSTĐ cấp cơ sở. Đặc biệt, trong nhiều năm qua, nhà trường đều có học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh; tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THCS luôn đạt từ 98% trở lên; tỷ lệ đỗ vào các trường THPT đứng ở tốp đầu trong huyện.

Trường có Chi bộ Đảng gồm 20 Đảng viên, liên tục đạt cơ sở đảng trong sạch vững mạnh-Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Các tổ chức trong nhà trường như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, Hội cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Với sự cố gắng của tập thể nhà trường, trường THCS Đoàn Kết đã vinh dự đón nhận danh hiệu trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I năm 2009, tiếp tục được công nhận lại vào các năm 2015, 2020.

Tuy vậy, vì là trường ở địa bàn xa trung tâm nên vẫn còn nhiều học sinh con gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, éo le, chủ yếu sống bằng nghề trồng lúa hoặc làm thuê không ổn định, vì thế nhiều phụ huynh chưa có điều kiện quan tâm đến việc học tập của con em. Điều đáng lo ngại là nhà trường luôn trong tình trạng thiếu thốn về cơ sở vật chất (chủ yếu là thiết bị dạy học và phòng học) và đội ngũ giáo viên nên ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng giảng dạy và học tập.

Để nâng cao chất lượng giáo dục, ngay từ đầu các năm học nhà trường xây dựng kế hoạch tập trung cho việc phụ đạo học sinh yếu/CĐ, bồi dưỡng học sinh giỏi, ôn thi THPT cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục, hướng nghiệp. Bên cạnh đó, việc quản lý nề nếp trật tự kỷ luật học sinh còn được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ bởi đội ngũ Quản sinh vốn là các thầy cô có kinh nghiệm giáo dục.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ cũng được quan tâm và thực hiện thường xuyên, với mục tiêu “Đổi mới sáng tạo trong dạy học” cùng với việc thực hiện “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục” và các cuộc vận động của ngành, nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho các giáo viên nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức, như: Tự học, dạy học nâng cao, dự các lớp tập huấn ngắn ngày, hoặc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, dạy giỏi, sinh hoạt tổ chuyên môn...

6. Thông tin người đại diện pháp luật; người phát ngôn hoặc người đại diện:

- Người đại diện pháp luật: Cao Xuân Kiên - Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Bùi Xá, Đoàn Kết, Thanh Miện, Hải Dương
- Số điện thoại: 0978.914.909
- Email: caokien78@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Chi bộ Đảng (20 đảng viên)

Chi ủy gồm 3 đồng chí:

- Bí thư: đ/c Cao Xuân Kiên
- Phó bí thư: đ/c Vũ Đức Duy
- Ủy viên: đ/c Nguyễn Hữu Quang

7.2. Hội đồng trường (11 thành viên)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Cao Xuân Kiên	BTCB, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Vũ Đức Duy	Phó BTCB, Phó hiệu trưởng	Thành viên
3.	Nguyễn Hữu Quang	CT công đoàn	Thành viên
4.	Vũ Thị Ngọc Ánh	Bí thư chi đoàn	Thành viên
5.	Ngô Văn Diên	Tổ trưởng tổ HC, Kế toán	Thành viên
6.	Bùi Trung Hiếu	Tổ trưởng KHTN	Thành viên
7.	Phạm Văn Đạt	Tổ trưởng KHXXH	Thành viên
8.	Đinh Văn Trọng	Phó chủ tịch UBND xã	Thành viên
9.	Trần Anh Dương	TT BDD CMHS trường	Thành viên
10.	Phạm Thị Dịu	Văn thư	Thư ký
11.	Nguyễn Phương Thúy	Đại diện học sinh	Thành viên

7.3. Ban giám hiệu:

Hiệu trưởng: Ông Cao Xuân Kiên (Bổ nhiệm theo QĐ số 2468/QĐ-UBND ngày của UBND huyện Thanh Miện)

Phó Hiệu trưởng: Ông Vũ Đức Duy (Bổ nhiệm theo QĐ số 2814/QĐ-UBND ngày của UBND huyện Thanh Miện)

7.4. Các tổ chuyên môn và tổ chức chức năng:

Tổ KHTN (gồm các giáo viên Toán, Tin, Công nghệ, KHTN, GDTC)

Tổ KHXXH (gồm các giáo viên Văn, Anh, GD&ĐT, nghệ thuật, LS&DL)

Tổ Hành chính-Văn phòng (văn thư, kế toán, thư viện-thiết bị, bảo vệ)

7.5. Các tổ chức khác:

Công đoàn (30 công đoàn viên)

Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên tiên phong

Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật

7.6. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

- Quy chế tổ chức và hoạt động:

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà

trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- *Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:*

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các hoạt động HĐGD.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trung học và được phân công.

Tổ chức cho GV, NV và HS tham gia các hoạt động xã hội

Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục (HĐGD); bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển; Quy chế dân chủ ở cơ sở; các Nghị quyết của Hội đồng trường; Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính (có văn bản kèm theo).

Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số 93/KH-THCS, ngày 02/10/2024 về chiến lược phát triển Trường THCS Đoàn Kết giai đoạn 2025–2030 và tầm nhìn đến 2035.

Quy chế làm việc: Ban hành kèm theo Quyết định số 89/QĐ-THCS, ngày 02/10/2024

Quy chế dân chủ: Ban hành kèm theo Quyết định số 92/QĐ-THCS, ngày 02/10/2024

Quy chế hoạt động của Hội đồng trường: Ban hành kèm theo Quyết định số 95/QĐ-THCS ngày 05/10/2020

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo: Kế hoạch số 125/KH-BD, ngày 26/10/2024

II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số biên chế được UBND huyện Thanh Miện giao năm 2025 là 32 người, hiện có 30 người, cụ thể:

Vị trí	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	1	0		0		1
Phó Hiệu trưởng	1	0		0	1	0
Giáo viên	23	18		0	21	2
Nhân viên	3	2		0	3	0
Hợp đồng (GV)	2	2		0	2	0
Cộng	30	22		0	29	3

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ QL và nhân viên:

[illegible]

III. Cơ sở vật chất:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	7	0.47
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	7	0.47
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	8	0.53
5	Số phòng học bộ môn	5	0.33
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	0
7	Bình quân lớp/phòng học	2.1	
8	Bình quân học sinh/lớp	38.75	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	5.102	8.2 m ² /HS
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.500	4 m ² /HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	378	0.6 m ² /HS
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	315	0.5 m ² /HS
3	Diện tích thư viện (m ²)	0	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	18	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	0	
1.1	Khối lớp 6	0	
1.2	Khối lớp 7	0	
1.3	Khối lớp 8	0	
1.4	Khối lớp 9	0	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định (bộ)	4	
2.1	Khối lớp 6 (bộ)	1	
2.2	Khối lớp 7 (bộ)	1	
2.3	Khối lớp 8 (bộ)	1	
2.4	Khối lớp 9 (bộ)	1	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	20	31 HS/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	16	1
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	0.2
5	Thiết bị khác...	8	0.53
6			
X	Nhà bếp	0	
XI	Nhà ăn	0	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		0		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây		x

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục:

Mục tiêu: Kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ 2 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm 11 thành viên với đầy đủ các thành phần theo quy định, phân công nhiệm vụ đầy đủ cho các thành viên hội đồng. Hằng năm, nhà trường đều nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu, từ đó có kế hoạch phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu dần đưa nhà trường phát triển.

Hiện tại, trường đang được tiến hành xây thêm dãy nhà 3 tầng-09 phòng và một số công trình phụ trợ đáp ứng nhu cầu cơ sở vật chất trường chuẩn Quốc gia, chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Theo lộ trình, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, để đề nghị kiểm tra công nhận lại vào tháng 9/2025.

V. Kết quả hoạt động giáo dục

1. Cam kết chất lượng giáo dục:

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Hoàn thành CT Tiểu học	Học xong lớp 6	Học xong lớp 7	Học xong lớp 8

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp																		
		Lớp 6	Lớp7	Lớp 8	Lớp 9															
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	CT GDPT 2018	CT GDPT 2018	CT GDPT 2018	CT GDPT 2018															
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của HS	- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Gia đình và Xã hội để làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường. - Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường.																		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	HS được làm quen với môi trường mới, học các Nội quy, Quy chế... HS được tham gia các hoạt động của Đoàn, Đội, tham gia các CLB, được sử dụng sách báo, tài liệu trên thư viện trường, thiết bị phòng thực hành	HS được tham gia các hoạt động của Đội, của Đoàn, tham gia các CLB, được sử dụng sách báo trên thư viện trường, thiết bị phòng thực hành, được tham gia các HĐTNHN	HS được tham gia các hoạt động của Đội, của Đoàn, tham gia các CLB, được sử dụng sách báo trên thư viện trường, thiết bị phòng thực hành, được tham gia các HĐTNHN	HS được tham gia các hoạt động của Đội, của Đoàn, tham gia các CLB, được sử dụng sách báo trên thư viện trường, thiết bị phòng thực hành, được tham gia các HĐTNHN															
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh đạt được	1. Đại trà: <table><tr><td></td><td>Tốt</td><td>Khá</td><td>Đạt</td><td>CĐ</td></tr><tr><td>Rèn luyện</td><td>405 =65%</td><td>187 =30%</td><td>29 =4,7%</td><td>2 =0,3%</td></tr><tr><td>Học tập</td><td>112 = 18%</td><td>293 =47%</td><td>191 =30,7%</td><td>27 = 4,3%</td></tr></table> 2. Danh hiệu - XS: từ 5 em - Giỏi: từ 104 em 3. Tốt nghiệp THCS: 98.4% 4. Sức khỏe: 100% đảm bảo SK để tiếp tục học tập, rèn luyện					Tốt	Khá	Đạt	CĐ	Rèn luyện	405 =65%	187 =30%	29 =4,7%	2 =0,3%	Học tập	112 = 18%	293 =47%	191 =30,7%	27 = 4,3%
	Tốt	Khá	Đạt	CĐ																
Rèn luyện	405 =65%	187 =30%	29 =4,7%	2 =0,3%																
Học tập	112 = 18%	293 =47%	191 =30,7%	27 = 4,3%																
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Duy trì sĩ số 99% 100% học sinh được lên lớp 7	Duy trì sĩ số 99% 100% học sinh được lên lớp 8	Duy trì sĩ số 99% 100% học sinh được lên lớp 9	Duy trì sĩ số 99% 85% học lên THPT, 15% học nghề															

2. Công khai chất lượng giáo dục thực tế:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo Rèn luyện (tỷ lệ so với tổng số)	620	167	186	140	127
1	Tốt	386 (62.26%)	95 (56.89%)	92 (49.46%)	89 (63.57%)	110 (86.61%)
2	Khá	202 (32.58%)	61 (36.53%)	82 (44.09%)	45 (32.14%)	14 (11.02%)
3	Đạt	32 (5.16%)	11 (6.59)	12 (6.45%)	6 (4.29%)	03 (2.36%)
4	Chưa đạt	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo Học tập (tỷ lệ so với tổng số)	620	167	186	140	127
1	Tốt	119 (19.19%)	25 (14.97%)	33 (17.74%)	26 (18.57%)	35 (27.56%)
2	Khá	266 (42.90%)	73 (43.71%)	59 (31.72%)	62 (44.29%)	72 (56.69%)
3	Đạt	216 (34.84%)	61 (36.53%)	87 (46.77%)	48 (34.29%)	20 (15.75%)
4	Chưa đạt	19 (3.06%)	8 (4.79%)	7 (3.76%)	4 (2.86%)	0
III	Tổng hợp KQ cuối năm (tỷ lệ so với tổng số)	620	167	186	140	127
1	Lên lớp	601 (96.94%)	159 (95.21%)	179 (96.24%)	136 (97.14%)	127 (100%)
a	Học sinh XS	6 (0.97%)	1 (0.6%)	2 (1.08%)	1 (0.71%)	2 (1.57%)
b	Học sinh Giỏi	113 (18.23%)	24 (14.37%)	31 (16.67%)	25 (17.86%)	33 (25.98%)
2	KTĐG lại	19 (3.06%)	8 (4.79%)	7 (3.76%)	4 (2.86%)	0
3	Lưu ban					
4	Chuyển trường đến/đi (số lượng)	3	1	1	1	0
5	Bị đuổi học (số lượng)	0	0	0	0	0
6	Số bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	3	1	2	0	0
IV	Số HS đạt giải các kỳ thi HSG					
1	Cấp huyện	17			17	
2	Cấp tỉnh	3				3
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
V	Số HS dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	128				128
VI	Số HS được công nhận tốt nghiệp (tỷ lệ so với tổng số)	128				128 (100%)
VII	Số HS thi đỗ THPT công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	62/127 (48.8%)
VIII	Số HS nam/số HS nữ	267/353	70/97	65/121	80/60	52/75
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	5	4	0	0	1

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác:

- Chất lượng đội ngũ giáo viên của nhà trường tương đối đồng đều, nhiều giáo viên nhiệt tình, tâm huyết với nghề, chủ động, tích cực và sáng tạo trong giảng dạy và giáo dục. 100% CBGVNV chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, qui định của ngành và đơn vị; 100% giáo viên sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng để soạn giảng, có khả năng giảng dạy cả trực tuyến và trực tiếp.

- Có 02/2 giáo viên được công nhận GVG trong Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện (thầy Bùi Trung Hiếu-Sinh và cô Trần Đài Trang-TA); trong đó có 01 giáo viên được khen xuất sắc;

- Có 01/1 giáo viên được công nhận GVG trong Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh (thầy Bùi Trung Hiếu-Sinh), đưa nhà trường trở thành trường có GVG cấp tỉnh 3 năm liên; trường xếp thứ 3/18 trường trong huyện về thi GVG;

- Có 05/5 giáo viên có sáng kiến được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở, trong đó có 01 sáng kiến tiếp tục đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh.

- Có 04 thầy cô được đề nghị UBND huyện tặng Giấy khen, 07 thầy cô được đề nghị Hội khuyến học huyện khen thưởng về thành tích xuất sắc trong công tác bồi dưỡng HSG.

- Có 23 cán bộ, giáo viên được tặng danh hiệu LĐTT, có 05 người được tặng danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở.

- Có 01 giáo viên đề nghị Chủ tịch UBND huyện khen vì có nhiều thành tích tiêu biểu trong năm học.

- Có 03/4 HSG cấp tỉnh (em Nguyễn Phương Anh - 9A giải Ba môn Sinh học, em Nguyễn Thị Bích Ngọc - 9A giải KK môn Địa lý, em Bùi Bình An - 9A giải KK môn Hóa học); có 17 HSG văn hóa cấp huyện, trong đó: 01 Nhì, 04 Ba, 12 KK; có 07 HSG điền kinh cấp huyện, trong đó: 01 giải Nhì, 06 giải Ba; có 01 HS giải Ba và 03 giải KK cờ vua cấp huyện; có 01 sản phẩm KHKT đoạt giải Ba cấp huyện; có 04 sản phẩm STEM trưng bày cấp huyện, trong đó có 01 sản phẩm được chọn trưng bày cấp tỉnh; đồng đội HSG xếp thứ 06/18 trường trong huyện.

- Có 01 học sinh đoạt giải Khuyến khích cấp tỉnh IOE; có 01 học sinh đoạt giải Bạc cấp tỉnh VioEdu; có 120 học sinh thi vẽ tranh...

- Thi tuyển sinh THPT xếp thứ 9/18 trong huyện. Xếp chung thứ 6/18, là 1 trong 5 trường được tặng Giấy khen trường Tiên tiến có nhiều thành tích tiêu biểu.

VI. Tài chính:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Nghị định số 163/2016/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS Đoàn Kết công khai tài chính gồm:

✚ Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2024.

✚ Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2025.

✚ Thông báo công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách Quý.

✚ Thông báo công khai các khoản thu-chi năm học 2024-2025:

	Nội dung	Tổng cộng	Trông giữ xe đạp	BHYT học sinh	Học thêm	Tiền vệ sinh	Bảo hiểm thân thể	Tài trợ
A	Các khoản phần thu	1,511,798	17,910	510,368	664,650	50,220	120,400	148,250
1	Thu theo quy định	528,278	17,910	510,368				
2	Thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ	714,870			664,650	50,220		
3	Thu hộ, chi hộ	120,400					120,400	
4	Tài trợ, viện trợ	148,250						148,250
B	Các khoản phần chi	1,479,230	17,910	510,368	632,082	50,220	120,400	148,250
I	Chi cho con người	660,189	14,400	-	618,789	27,000	-	-
1	Tiền lương, tiền công	660,189	14,400		618,789	27,000		
II	Chi cho hoạt động của nhà trường	819,041	3,510	510,368	13,293	23,220	120,400	148,250
1	Chi mua hàng hóa dịch vụ	23,220			-	23,220	-	-
a	Thanh toán tiền điện, nước	-						
b	Chi mua hàng hóa, vật tư... dịch vụ	23,220				23,220		
2	Mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng CSVC,	43,250			-	-	-	43,250

	Nội dung	Tổng cộng	Trông giữ xe đạp	BHYT học sinh	Học thêm	Tiền vệ sinh	Bảo hiểm thân thể	Tài trợ
	trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục							
c	Tài sản khác	43,250						43,250
3	Mua sắm TS phục vụ công tác chuyên môn	105,000						105,000
4	Hoạt động khác	16,803	3,510		13,293			-
a	Các khoản phí và lệ phí (nộp thuế)	16,803	3,510		13,293			
5	Chi nộp đi	630,768		510,368			120,400	

📌 Thông báo công khai kết quả thực hiện chế độ chính sách cho học sinh năm học 2024-2025:

STT	Nội dung	Tổng số HS toàn trường	Số học sinh được hưởng	Định mức	Tháng	Thành tiền
A	B	1	2	3	4	5=2x3x4
	TỔNG CỘNG					34,242,500
1	Hỗ trợ chi phí học tập					18,900,000
a	Học kỳ I (căn cứ sổ 2024)	621	19	150,000	4	11,400,000
b	Học kỳ II (căn cứ sổ 2025)	621	10	150,000	5	7,500,000
2	Miễn giảm học phí					15,342,500
2.1	<i>Số học sinh được miễn</i>					<i>10,710,000</i>
a	Học kỳ I (căn cứ sổ 2024)	621	19	85,000	4	6,460,000
b	Học kỳ II (căn cứ sổ 2025)	621	10	85,000	5	4,250,000
2.2	<i>Số học sinh giảm 50%</i>					<i>4,632,500</i>
a	Học kỳ I (căn cứ sổ 2024)	621	11	42,500	4	1,870,000
b	Học kỳ II (căn cứ sổ 2025)	621	13	42,500	5	2,762,500

📌 Công khai số dư các quỹ năm 2024:

STT	Diễn giải	Số dư đầu năm	Số thu/ trích trong năm	Tổng số sd trong năm	Số chi trong năm	Số dư cuối năm
A	B	1	2	3=1+2	4	5= 3-4
	TỔNG CỘNG					
1	Quỹ phát triển HDSN	0	0	0	0	0
2	Quỹ bổ sung thu nhập	0	0	0	0	0
3	Quỹ phúc lợi	0	0	0	0	0
4	Quỹ khen thưởng	0	0	0	0	0

VII. Hình thức và thời điểm công khai:

1. Hình thức:

Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của trường.

2. Thời điểm công khai:

Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ tháng 8/2024.

Riêng dự toán thu chi tài chính 2025 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2025 của UBND huyện Thanh Miện.

Thời điểm công bố báo cáo thường niên là tháng 6 năm 2025 và cập nhật vào đầu năm học mới (tháng 9 năm 2025) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại bảng tin trường là 15 ngày liên tục kể từ ngày 27/6/2025, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

Nơi nhận:

Phòng GD&ĐT Thanh Miện;
UBND xã Đoàn Kết;
Cán bộ, giáo viên, nhân viên;
Lưu: VT.

Đoàn Kết, ngày 27 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Cao Xuân Kiên